

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 645/2007/QĐ – HDQT ngày 15/03/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và Biên bản thỏa thuận thành lập Công ty ngày 12/04/2007 của cổ đông sáng lập. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2203000845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/04/2007. Trong quá trình hoạt động, những thay đổi về tên doanh nghiệp và ngành nghề kinh doanh của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi từ lần 01 đến lần 03 ngày 07/04/2015; trong đó số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay bằng mã số doanh nghiệp số 5700647458 trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 02 ngày 08/08/2011.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.

Công ty có trụ sở tại số 108 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|-----------------------|----------------------------|-----------------------------------|
| - Ông Ngô Văn Tâm | Chủ tịch Hội đồng quản trị | <i>Miễn nhiệm ngày 06/04/2015</i> |
| - Ông Hoàng Minh Hiếu | Chủ tịch Hội đồng quản trị | <i>Bổ nhiệm ngày 06/04/2015</i> |
| - Ông Vũ Văn Tâm | Ủy viên Hội đồng quản trị | |
| - Ông Trần Vũ Bình | Ủy viên Hội đồng quản trị | |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|----------------------|--------------|
| - Ông Vũ Văn Tâm | Giám đốc |
| - Ông Trần Vũ Bình | Phó Giám đốc |
| - Ông Trần Viết Viện | Phó Giám đốc |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Văn Tâm - Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính cho năm tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

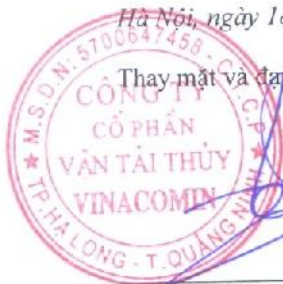
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2016

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Vũ Văn Tâm
Giám đốc

Số: 54/2016/BCKT-BDO

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015*

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI THỦY - VINACOMIN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin, được lập ngày 18 tháng 03 năm 2016 từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính cho năm tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính cho năm tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính cho năm tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vận tải thủy - Vinacomin tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm mục đích phủ nhận ý kiến kiểm toán nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến mục V.19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính: Tại thời điểm 31/12/2015, khoản lỗ lũy kế của đơn vị là 139.299.924.290 đồng vượt quá nguồn vốn kinh doanh là 39.299.924.290 đồng và khoản nợ ngắn hạn của đơn vị vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 85.133.719.471 đồng. Những dấu hiệu này đã chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO

Nguyễn Thị Hồng Liên - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 0445-2013-038-1

Tg

Nguyễn Thị Trúc Giang - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 2272-2013-038-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.088.027.405	29.288.254.599
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.482.735.411	13.780.510.332
1. Tiền	111		3.482.735.411	13.780.510.332
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.913.551.748	2.752.891.094
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	11.804.244.601	1.518.675.555
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	232.802.280	18.750.864
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.900.598.780	1.273.772.471
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(64.794.060)	(64.794.060)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	40.700.147	6.486.264
IV. Hàng tồn kho	140		8.753.793.676	11.807.650.494
1. Hàng tồn kho	141	V.8	8.753.793.676	11.807.650.494
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		937.946.570	947.202.679
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	937.946.570	909.590.961
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	37.611.718
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		62.459.280.464	381.266.860.747
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.000.000	17.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	17.000.000	17.000.000
II. Tài sản cố định	220		53.819.251.866	375.785.354.747
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	53.790.918.516	375.723.021.401
<i>Nguyên giá</i>	222		91.480.200.603	524.656.509.214
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(37.689.282.087)	(148.933.487.813)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	28.333.350	62.333.346
<i>Nguyên giá</i>	228		170.000.000	170.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(141.666.650)	(107.666.654)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	4.560.000.000	4.560.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.560.000.000)	(4.560.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.623.028.598	5.464.506.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	8.623.028.598	5.464.506.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		89.547.307.869	410.555.115.346

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		124.449.903.124	446.479.637.214
I. Nợ ngắn hạn	310		112.221.746.876	171.225.480.966
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	49.523.009.210	59.690.517.757
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	-	8.162.078.765
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.231.434.361	454.162.498
4. Phải trả người lao động	314	V.15	1.412.857.807	3.251.015.953
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	39.000.000	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	769.933.456
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	627.405.655	1.607.555.161
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	59.388.039.843	97.290.217.376
II. Nợ dài hạn	330		12.228.156.248	275.254.156.248
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	12.228.156.248	275.254.156.248
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(34.902.595.255)	(35.924.521.868)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	(34.902.595.255)	(35.924.521.868)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		734.747.581	734.747.581
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.662.581.454	3.662.581.454
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(139.299.924.290)	(140.321.850.903)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(140.321.850.903)	(119.146.048.038)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.021.926.613	(21.175.802.865)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		89.547.307.869	410.555.115.346

Lập ngày 18 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Thị Thanh Loan

Phạm Thị Thu Hà

Vũ Văn Tâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	670.634.228.561	276.409.077.500
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		670.634.228.561	276.409.077.500
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	623.515.704.754	283.446.931.688
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.118.523.807	(7.037.854.188)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	46.894.670	35.433.388
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.054.861.123	4.780.280.707
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.054.861.123	4.773.274.136
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.855.541.752	2.440.938.526
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.244.107.376	7.295.232.476
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.010.908.226	(21.518.872.509)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.881.410.760	1.795.143.905
12. Chi phí khác	32	VI.8	32.870.392.373	1.421.010.967
13. Lợi nhuận khác	40		(25.988.981.613)	374.132.938
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.021.926.613	(21.144.739.571)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	31.063.294
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.021.926.613</u>	<u>(21.175.802.865)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>102</u>	<u>(2.118)</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Lập ngày 18 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Trần Thị Thanh Loan

Phạm Thị Thu Hà

Giám đốc



Vũ Văn Tâm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.021.926.613	(21.144.739.571)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		13.341.902.296	35.126.043.927
- Các khoản dự phòng	03		-	(507.602.970)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.285.592)	(1.250.247)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		26.515.034.385	240.676.909
- Chi phí lãi vay	06		3.054.861.123	4.773.274.136
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		43.932.438.825	18.486.402.184
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.123.048.936)	18.451.267.803
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.053.856.818	(3.650.879.564)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(21.070.493.263)	20.873.170.159
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.186.878.207)	(5.543.957.151)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.054.861.123)	(7.296.630.786)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(31.063.294)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.519.950.820	41.319.372.645
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(60.909.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		44.857.582	24.450.141
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		44.857.582	(36.458.950)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		23.903.098.091	49.874.513.491
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(42.766.967.006)	(78.026.364.802)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.863.868.915)	(28.151.851.311)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(10.299.060.513)	13.131.062.384
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	13.780.510.332	648.856.185
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.285.592	591.763
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.482.735.411	13.780.510.332

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu Hà



Lập ngày 18 tháng 03 năm 2016

Giám đốc

Vũ Văn Tâm